

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang tối đa là: 250 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Địa điểm thực hiện: các xã đặc biệt khó khăn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng nhận hỗ trợ: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm hộ và cộng đồng dân cư tại các xã đặc biệt khó khăn, ấp đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Số hộ tham gia mô hình: Tối đa 25 hộ/mô hình.

4. Định mức hỗ trợ:

a) Nghiên cứu, lập dự án một mô hình: 2.000.000 đồng.

b) Chi khảo sát, xác định chọn địa bàn, lựa chọn hộ nghèo và hộ cận nghèo có nhu cầu và điều kiện để tham gia một mô hình: 8.000.000 đồng.

c) Hỗ trợ cho các hộ (đối tượng) tham gia dự án: 8.000.000 đồng/hộ.

d) Các chi phí khác (tập huấn, triển khai mô hình; kiểm tra, giám sát thực hiện mô hình; đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện mô hình, ...): 40.000.000 đồng.

(Đính kèm Bảng kê chi tiết mức chi)

5. Kinh phí thực hiện:

Sử dụng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình 135).

Điều 2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là đơn vị chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 8 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*se*

Nơi nhận:

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị, thành phố;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Website Văn phòng;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Các phòng: KGVH, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình
Nguyễn Thanh Bình



BẢNG KÊ

Chi tiết mức chi hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh An Giang
(kèm theo Quyết định số 26 /2018/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018)

TT	Nội dung hoạt động	Số tiền (đồng)
	Tổng cộng kinh phí thực hiện 01 mô hình	250.000.000
1	Khảo sát, xác định chọn địa bàn, lựa chọn hộ nghèo và hộ cận nghèo có nhu cầu và điều kiện để tham gia một mô hình	8.000.000
2	Nghiên cứu, lập dự án một mô hình	2.000.000
3	Hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án (8.000.000 đồng/hộ x 25 hộ)	200.000.000
4	Tập huấn, triển khai mô hình	31.000.000
	- Thuê hội trường, trang trí, bangol (7 ngày)	7.000.000
	- Thiết bị phục vụ học tập (7 ngày)	3.500.000
	- Hỗ trợ tiền nước uống, văn phòng phẩm (40.000 đồng/người/ngày x 25 người x 7 ngày)	7.000.000
	- Hỗ trợ tiền ăn (50.000 đồng/người/ngày x 25 người x 7 ngày)	8.750.000
	- Hỗ trợ báo cáo viên hướng dẫn thực hiện mô hình (500.000 đồng/ngày x 7 ngày)	3.500.000
	- Tài liệu (50.000 đồng/người x 25 người)	1.250.000
5	Kiểm tra, giám sát thực hiện mô hình	6.000.000
6	Đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm thực hiện mô hình	3.000.000